

Số: **857** /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày **21** tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép Công ty TNHH Bê tông xây dựng Việt Cường chuyển mục đích sử dụng đất, thuê đất để sử dụng vào mục đích khai thác mỏ đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường tại phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên (đợt 1)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 20/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về chủ trương đầu tư Dự án khai thác mỏ đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường tại xóm 9, xã Phúc Tân và xóm Nông Trường, xã Phúc Thuận, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 4039/GP-UBND ngày 23/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1422/QĐ-UBND ngày 26/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đình chính Giấy phép khai thác khoáng sản số 4039/GP-UBND ngày 23/12/2020;

Căn cứ Quyết định số 3422/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố Phổ Yên;

Căn cứ Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (điều chỉnh lần thứ 01);

Căn cứ Văn bản số 3852/UBND-CNNXD ngày 12/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc chấp thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện Dự án khai thác mỏ đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường tại xóm 9, xã Phúc Tân và xóm Nông Trường, xã Phúc Thuận, thị xã Phổ Yên;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số: 141/TTr-SNNMT ngày 14/8/2025 về việc đề nghị cho Công ty TNHH Bê tông xây dựng Việt Cường chuyển mục đích sử dụng đất, thuê đất để sử dụng vào mục đích khai thác mỏ đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường tại phường Phúc Thuận (đợt 1).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. 1. Cho Công ty TNHH Bê tông xây dựng Việt Cường (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số 4600307840, do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên cấp đăng ký ngày 17/02/2003, địa chỉ tại xã Phú Xuyên, tỉnh Thái Nguyên) được chuyển mục đích sử dụng 35.734,9 m² đất rừng sản xuất sang đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản, tại phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên.

- Vị trí, ranh giới các thửa đất được xác định theo Tờ bản đồ địa chính (trích lục - chỉnh lý) tờ số 8, số 9, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên (trước đây là xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên), tỷ lệ 1:2000, do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Thái Nguyên lập ngày 25/6/2025.

(Chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo)

2. Cho Công ty TNHH Bê tông xây dựng Việt Cường thuê diện tích 35.734,9 m² đất chuyển mục đích sử dụng đất tại khoản 1 trên, cụ thể:

- Mục đích sử dụng đất: Thực hiện Dự án khai thác mỏ đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường.

- Hình thức cho thuê đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm.

- Phương thức cho thuê đất: Cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất.

- Vị trí, ranh giới khu đất cho thuê được xác định theo Tờ bản đồ địa chính (trích lục - chỉnh lý) tờ số 8, số 9, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên (trước đây là xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên), tỷ lệ 1:2000, do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Thái Nguyên lập ngày 25/6/2025 được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 25/6/2025.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo)

- Thời hạn sử dụng đất: đến ngày 23 tháng 4 năm 2042.

3. Giá đất tính tiền thuê đất phải nộp là 490.000 đồng/m².

Điều 2: Tổ chức thực hiện:

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện:

- Xác định mốc giới và bàn giao đất trên thực địa cho Công ty TNHH Bê tông xây dựng Việt Cường.

- Ký hợp đồng thuê đất; trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho Công ty TNHH Bê tông xây dựng Việt Cường; chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai theo quy định.

2. Thuế tỉnh Thái Nguyên chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện:

- Xác định tiền thuê đất phải nộp theo quy định; hướng dẫn thực hiện giảm tiền thuê đất, phí, lệ phí (nếu có) theo quy định.

- Thông báo cho Công ty TNHH Bê tông xây dựng Việt Cường nộp tiền thuê đất, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (nếu có); thu tiền thuê đất, phí, lệ phí (nếu có) theo quy định.

3. Công ty TNHH Bê tông xây dựng Việt Cường chịu trách nhiệm nộp tiền thuê đất; sử dụng đất đúng mục đích, ranh giới, diện tích; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người sử dụng đất, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật đất đai, đầu tư, xây dựng, bảo vệ môi trường; tuân thủ cam kết tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trưởng Thuế tỉnh Thái Nguyên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Phúc Thuận, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Bê tông xây dựng Việt Cường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Trung tâm Thông tin tỉnh) chịu trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: HS, VT, CNN&XD.

Anhd. T8/2025 (MC)



Nguyễn Thị Loan



PHỤ LỤC SỐ 01

(Kèm theo Tờ trình số *857* /QĐ-UBND ngày *21* tháng 8 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Số tờ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Ghi chú
1	8	1375 (1370)	956,6	RSX	
2	8	1374 (1371)	1.027,3	RSX	
3	9	387	4.822,3	RSX	
4	9	382	10.468,3	RSX	
5	9	383	289,5	RSX	
6	9	384	2.191,6	RSX	
7	9	385	7.852,8	RSX	
8	9	386	1.823,3	RSX	
9	9	389	3.408,7	RSX	
10	9	396 (381)	2.894,5	RSX	
Tổng cộng			35.734,9		

**PHU LỤC SỐ 02**

(Kèm theo Tờ trình số **857** /QĐ-UBND ngày **21** tháng 8 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Số tờ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Ghi chú
1	8	1376	1.983,9	SKS	
2	9	397	4.822,3	SKS	
3	9	398	22.625,5	SKS	
4	9	399	3.408,7	SKS	
5	9	400	2.894,5	SKS	
Tổng cộng			35.734,9		